TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1129/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1982

Thường trú: Đường B, khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Đường C, Khu T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1984

Thường trú: xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Đường N, khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Bà M và ông Nguyễn Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24/8/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tự lập. Ban đầu, cuộc sống chung vợ chồng rất hạnh phúc. Đến giữa năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm, chia sẻ với vợ, không lo đi làm để kiếm thêm thu nhập trang trải cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai bên đã ly thân

được 01 năm nay. Trong thời gian ly thân, ông T không quan tâm đến cuộc sống của bà M và bà M cũng không quan tâm đến cuộc sống của ông T. Nay, bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông T; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông T đang cư trú tại Đường N, khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn bà M có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/8/2015 và được Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, Căn cứ Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 17 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định về hướng dẫn và đăng ký hộ tịch, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét thấy, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, bà M cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T vì bà M đã không còn tình cảm với ông T và hiện tại bà M với ông T đã không còn chung sống với nhau, mỗi bên đều có cuộc sống riêng của mình, không bên nào quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc sống vợ chồng giữa hai bên đã không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà M và ông T đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn nên bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 17 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định về hướng dẫn và đăng ký hộ tịch;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Minh T.

1.2 Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0023917 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Châu